TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH LỢI** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05–9- 2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Vĩnh
2. Bà Kim Thị Sà Mết

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Nhựt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Châu Ngọc Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 155/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tấn A, sinh năm 1988 (có đơn yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Chị Trần Thị Yến N, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Nguyễn Tấn A trình bày tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 6 năm 2023 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án: Anh Nguyễn Tấn A và chị Trần Thị Yến N xây dựng hôn nhân năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V theo giấy chứng nhận kết hôn số 51/2013, ngày 16/7/2013. Quá trình chung sống có 01 người con chung, cháu Nguyễn Sĩ P, sinh ngày 30 tháng 12 năm 2012, hiện cháu P đang sống chung với anh A.

Nguyên nhân yêu cầu ly hôn: Cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng ý kiến nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, đã ly thân 05 năm nay. Xét tháy tình cảm không còn nên anh A yêu cầu ly hôn với chị N. Khi ly hôn, anh A yêu câu nuôi cháu S và không yêu cầu chị N cấp dưỡng. Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn chị Trần Thị Yến N không có lời khai trong hồ sơ. Lý do, Tòa án nhiều lần triệu tập chị N đến Tòa án làm việc nhưng chị N không đến; Tòa án đến nhà lấy lời khai nhưng chị N không có nhà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Tấn A đối với chị Trần Thị Yến N. Về con chung: Đề nghị hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Nguyễn Sĩ P, sinh ngày 30 tháng 12 năm 2012 cho anh Nguyễn Tấn A tiếp tục nuôi dạy, chăm sóc, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh A không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Anh A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 21 tháng 6 năm 2023, anh Nguyễn Tấn A nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn đối với chị Trần Thị Yến N. Chị N đăng ký thường trú tại ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, anh A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, riêng chị A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần hai không rõ lý do nên Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt anh A và chị N theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Tấn A và chị Trần Thị Yến N xây dựng hôn nhân năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V theo giấy chứng nhận kết hôn số 51/2013, ngày 16/7/2013, nên hôn nhân giữa A và chị N là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3]. Theo anh A xác định, cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng ý kiến nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, đã ly thân 05 năm nay. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, nên anh A yêu cầu ly hôn với chị N. Chị N không có lời khai trong hồ sơ, do Tòa án triệu tập đến Tòa làm việc

nhưng không dến, Tòa án đến nhà lấy lời khai nhưng chị N không có nhà. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai anh A phù hợp với lời khai bà Trần Thị T và Trần Mỹ T1. Bà T và bà T1 là cô ruột chị N. Do ở gần nhà anh A và chị N nên bà T, bà T1 biết rõ cuộc sống vợ chồng anh A, chị N có phát sinh mâu thuẫn, do anh A có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác; anh A và chị N đã ly thân gần 05 năm nay. Chi Nhi có biết anh A nộp đơn ly hôn nhưng chị N bận đi làm không về được. Chị N thường xuyên điện thoại về nhà hỏi thăm cháu P và gửi tiền về cho cháu P ăn học.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng phải biết yêu thương, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau xây dựng gia đình phát triển. Hôn nhân giữa anh A và chị N không còn hạnh phúc, quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn này đã trầm trọng, anh A và chị N đã ly thân gần 05 năm nay. Anh A không còn tình cảm với chị N và chị N biết rõ anh A nộp đơn yêu cầu ly hôn với chị N nhưng chị N không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình; từ đó cho thấy chị N cũng từ bỏ cuộc hôn nhân này và mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, anh A yêu cầu được ly hôn với chị N là có căn cứ, phù hợp với quy định Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh A đối với chị N.

[4]. Về con chung: Anh A đối với chị N chung sống với nhau có 01 người con chung, cháu Nguyễn Sĩ P, sinh ngày 30 tháng 12 năm 2012, hiện cháu P đang sống cùng anh A. Quá trình làm việc tại Tòa án, anh A yêu cầu nuôi cháu P.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con cho ai nuôi là phải xem xét toàn diện, đầy đủ đảm bảo điều kiện cho con chưa thành niên. Xét thấy, để đảm bảo sự ổn định sinh hoạt, ăn ở, chăm sóc, nuôi dạy cháu P cần tiếp tục giao cháu P cho anh A nuôi dạy, chăm sóc, giáo dục. Điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu P, cháu P xác định có nguyện vọng sống với anh A. Chị N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình làm việc tại Tòa án, anh A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh A xác định, quá trình chung sống không có tạo lập tài sản chung, không nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Anh A phải chịu 300.000 đồng, anh A đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0013675 ngày 29 tháng 6 năm 2023 được chuyển thu án phí.

[8]. Từ những phân tích trên cần chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Nguyễn Tấn A đối với chị Trần Thị Yến N. Xử cho anh Nguyễn Tấn A ly hôn với chị Trần Thị Yến N**.**

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Sĩ P, sinh ngày 30 tháng 12 năm 2012 cho anh Nguyễn Tấn A tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện cháu P đang sống chung với anh A.

Chị Trần Thị Yến N không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có tài sản chung và không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Anh Nguyễn Tấn A phải chịu 300.000 đồng, anh N1 đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng, anh A đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0013675 ngày 29 tháng 6 năm 2023 được chuyển thu án phí.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- THADS huyện Vĩnh Lợi;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Châu Thới, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thụy Lan Chi